

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2014/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 05 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi đặc thù cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

Sau khi xem xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định một số mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; Báo cáo thẩm tra số 638/BC-HĐND-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Ban kinh tế và ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quy định một số mức chi đặc thù cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở (kèm theo Phụ lục).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này và các văn bản có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về quy định một số mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

**CHỦ TỊCH
(đã ký)**

Phạm Văn Hiểu

PHỤ LỤC

MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP
CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TẠI CƠ SỞ VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
(Kèm theo Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân
thành phố)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
I	Xây dựng đề án; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn đề án			
1	Xây dựng đề cương			
a	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.000 800 600	Quy mô thành phố Quy mô cấp huyện Quy mô cấp xã
b	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	1.800 1.400 1.000	Quy mô thành phố Quy mô cấp huyện Quy mô cấp xã
2	Soạn thảo Đề án			
a	Soạn thảo Đề án	Đề án	2.700 2.000 1.600	Quy mô thành phố Quy mô cấp huyện Quy mô cấp xã
b	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500 400 300	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
3	Tổ chức họp, tọa đàm, góp ý			
a	Chủ trì	Người/buổi	200 150 100	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
b	Thành viên dự	Người/buổi	100 80 60	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
4	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500	Thành phố

			400	Cấp huyện
			300	Cấp xã
5	Xét duyệt đề án:			
a	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	200	Thành phố
			150	Cấp huyện
			100	Cấp xã
b	Thành viên hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	Thành phố
			100	Cấp huyện
			75	Cấp xã
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	Thành phố
			80	Cấp huyện
			60	Cấp xã
d	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	Thành phố
			250	Cấp huyện
			150	Cấp xã
đ	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	Thành phố
			150	Cấp huyện
			100	Cấp xã
6	Lấy ý kiến thẩm định đề án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý	Bài viết	500	Trường hợp không thành lập Hội đồng
7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Đề án	Văn bản	400	Thành phố
			350	Cấp huyện
			250	Cấp xã

II. Chi thù lao Báo cáo viên, Tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

1	Thù lao báo cáo viên cấp tỉnh	Người/buổi	Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiểu mục 1.1 mục 1, Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC	
2	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu	Người/buổi	300	Báo cáo viên
			200	Tuyên truyền viên

	động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt		100	Cộng tác viên
3	Thủ lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thủ lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi	300 250 150	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
4	Thủ lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thủ lao quy định tại điểm 1, 2 và 3 của mục này	
III Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật				
1	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	900 700 500	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
2	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	300	
3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.200	
4	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm hoàn thành	4.000	
IV. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	30	Không quá 1 ngày
2	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	10	
V. Chi tổ chức các cuộc thi, hội thi				
1	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban Tổ chức và một số nội dung chi khác		Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT	
2	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
a	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	1.800	Thành phố

			1.500	Cấp huyện
			1.000	Cấp xã
b	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	9.000 7.000 5.000	Thành phố Cấp huyện Cấp xã Tùy theo quy mô, địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi nhưng không vượt quá mức chi này.
c	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	
d	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)			Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính
3	Chi giải thưởng			
a	Cuộc thi tổ chức quy mô thành phố			
	- Giải nhất:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.000	
	+ Cá nhân		4.200	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		4.900	
	+ Cá nhân		2.100	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.500	
	+ Cá nhân		1.400	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.100	
	+ Cá nhân		800	
	- Giải phụ khác		400	
B	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp huyện			
	- Giải nhất:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.600	
	+ Cá nhân		3.300	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.900	

	+ Cá nhân		1.700	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.800	
	+ Cá nhân		1.200	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.700	
	+ Cá nhân		700	
	- Giải phụ khác		350	
c	Cuộc thi tổ chức quy mô cấp xã			
	- Giải nhất:	Giải thưởng		
	+ Tập thể		4.200	
	+ Cá nhân		2.500	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.000	
	+ Cá nhân		1.300	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.100	
	+ Cá nhân		900	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.300	
	+ Cá nhân		500	
	- Giải phụ khác		250	

VI. Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên Đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở

1	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	75	Tính theo trang chuẩn 350 từ
2	Bồi dưỡng phát thanh			
a	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15	
b	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20	

VII. Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật

1	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Tủ/năm	2.000	Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
2	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100	
3	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50	

VIII. Chi thực hiện viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đề án, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật

	Viết báo cáo			
a	Báo cáo định kỳ, hàng năm của địa phương về công tác PBGDPL	Báo cáo	1.500 1.000 500	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
b	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	1.500 1.000 500	Thành phố Cấp huyện Cấp xã
c	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	700 500 300	Thành phố Cấp huyện Cấp xã

IX. Chi khen thưởng cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1	Khen thưởng cấp xã; cấp huyện được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Tương đương tập thể lao động xuất sắc	Bằng 1,5 lần mức lương cơ sở	Áp dụng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành
---	---	---------------------------------------	------------------------------	---

X. Chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở

1	Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải)			
a	Hòa giải thành	Vụ việc/tổ	200	Căn cứ vào xác nhận của UBND xã về số vụ việc nhận hòa giải của tổ hòa giải cơ sở
b	Hòa giải không thành	Vụ việc/tổ	100	
2	Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải)	Tổ/tháng	100	
3	Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên	Người/buổi	70	
4	Chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên.	Người/buổi	10	